TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ LỘC** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 218 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23/9/2022.
V/v: *Ly hôn, nuôi con khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thị Xuân Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Vy và ông Trần Minh Khôi.

- Thư ký phiên toà: Ông Đinh Xuân Cầm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về hôn nhân gia đình thụ lý số: 137/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87 /2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/8/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1991; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 3, xã G, huyện P, tỉnh T; Địa chỉ hiện nay: Thôn Hiền H1 2, xã V, huyện P, tỉnh T, có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Nhữ H1, sinh năm 1985; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 3, xã G, huyện P, tỉnh T. Hiện tạm trú: Tổ Đình Đại Tòng Lâm, phường P thị xã P, tỉnh B. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 10/6/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày:

Chị Đ và anh Lê Nhữ H tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, nay là xã G, huyện P, tỉnh T vào ngày 11/6/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp. Từ năm 2019 anh H1 bỏ đi tu theo Phật nên vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay.

Quá trình ly thân không còn quan tâm gì nhau, cuộc sống của ai tự người đó lo liệu. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị Nguyễn Thị Được yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê Nhữ H1.

Về việc nuôi con: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Lê Nhữ H1 có hai người con chung là Lê Nguyễn Nhã Trang, sinh ngày 24/11/2012 và Lê Nhữ Nhã Ái, sinh ngày 30/11/2017, tại đơn khởi kiện chị Đ yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung cho đến khi đủ 18 tuổi; không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị Đ trình bày do cháu Nhã Trang hiện nay đang sống với anh H1 nên chị yêu cầu giao cháu Nhã Trang cho anh H1 nuôi dưỡng và giao cháu Nhã Ái cho chị nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Chị Nguyễn Thị Đ trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Anh Lê Nhữ Hòa trình bày:* Lời khai của anh H1 về quan hệ hôn nhân và quá trình kết hôn như chị Nguyễn Thị Đ trình bày. Anh Hòa thừa nhận giữa anh và chị Nguyễn Thị Đ không còn tình cảm vợ chồng với nhau nên anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Lê Nhữ Hòa cũng thừa nhận vợ chồng có hai người con chung như chị Nguyễn Thị Được đã trình bày. Chị Nguyễn Thị Đ yêu cầu Đ chăm sóc, nuôi dưỡng hai người con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì anh Hòa cũng đồng ý.

Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, kể từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự chấp hành đúng pháp luật và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; giải quyết chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã Đ xem xét, kiểm tra, đánh giá tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa anh Lê Nhữ H1 vắng mặt nhưng có văn bản trình bày ý kiến và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Lê Nhữ H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị Được và anh Lê Nhữ Hòa là hợp pháp. Quá trình hôn nhân giữa chị Được và anh Hòa đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau; cuộc sống của mỗi người tự lo liệu. Chị Nguyễn Thị Được yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh Lê Nhữ Hòa cũng đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Đ và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt Đ. Căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Được.

[3] Về việc nuôi con: Xét thấy hiện nay cháu Lê Nguyễn Nhã Tr, sinh ngày 24/11/2012 đang sống với anh H1 và có nguyện vọng Đ ở với anh H1, cháu Lê Nhữ Nhã Ái, sinh ngày 30/11/2017 chị Đ đang trực tiếp nuôi dưỡng. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định cho các cháu, cần chấp nhận yêu cầu của chị Đ, giao cháu Tr cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Ái cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh H1 và chị Đ không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự đều trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ Đ ly hôn anh Lê Nhữ H1.

2. Về việc nuôi con: Giao cháu Lê Nguyễn Nhã Tr, sinh ngày 24/11/2012 cho anh Lê Nhữ H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao cháu Lê Nhữ Nhã A, sinh ngày 30/11/2017 cho chị Nguyễn Thị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Đ và anh Lê Nhữ H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng Đ khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002520 ngày 14/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế; chị Được đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án Đ tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- Đương sự;
- UBND xã Giang Hải;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Xuân Huế

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA